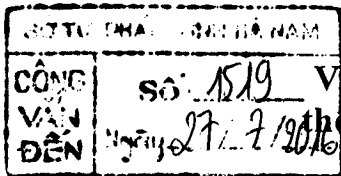


Số: **24** /2016/QĐ-UBND

Hà Nam, ngày **26** tháng 7 năm 2016



**QUYẾT ĐỊNH**

Về một số chế độ đối với huấn luyện viên, vận động viên thể thao tỉnh Hà Nam được tập trung tập huấn và thi đấu

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HÀ NAM**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Quyết định số 32/2011/QĐ-TTg ngày 06 tháng 6 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ về một số chế độ đối với huấn luyện viên, vận động viên thể thao được tập trung tập huấn và thi đấu;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 149/2012/TTLT-BTC-BLĐTBXH-BVHTTDL ngày 28 tháng 9 năm 2012 của liên Bộ Tài chính - Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội - Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch hướng dẫn thực hiện Quyết định số 32/2011/QĐ-TTg ngày 06 tháng 6 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ về một số chế độ đối với huấn luyện viên, vận động viên thể thao được tập trung tập huấn và thi đấu;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng.**

Quyết định này quy định một số chế độ đối với huấn luyện viên, vận động viên thể thao tỉnh Hà Nam trong thời gian được tập trung tập huấn và thi đấu, gồm: Đội tuyển tỉnh, đội tuyển trẻ và đội tuyển năng khiếu.

**Điều 2. Chế độ tiền công, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, trợ cấp một lần và tiền thưởng.**

1. Chế độ tiền công theo ngày đối với huấn luyện viên, vận động viên thể thao của tỉnh trong thời gian được tập trung tập huấn và thi đấu.

a) Đối với huấn luyện viên, vận động viên thể thao không hưởng lương từ ngân sách nhà nước:

- Huấn luyện viên đội tuyển tỉnh: 120.000 đồng/người/ngày;

- Huấn luyện viên đội trẻ tỉnh: 90.000 đồng/người/ngày;

- Huấn luyện viên đội năng khiếu tỉnh: 90.000 đồng/người/ngày;
- Vận động viên đội tuyển tỉnh: 80.000 đồng/người/ngày;
- Vận động viên đội tuyển trẻ tỉnh: 40.000 đồng/người/ngày;
- Vận động viên đội năng khiếu tỉnh: 30.000 đồng/người/ngày.

b) Đối với huấn luyện viên, vận động viên hưởng lương từ ngân sách nhà nước trong thời gian tập trung tập huấn và thi đấu, nếu có mức lương thấp hơn mức tiền công quy định tại Điểm a khoản 1 Điều này thì cơ quan, đơn vị sử dụng huấn luyện viên, vận động viên chịu trách nhiệm chi trả phần chênh lệch để bảo đảm bằng các mức quy định tương ứng.

2. Chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, trợ cấp một lần.

2.1. Chế độ đối với huấn luyện viên, vận động viên thuộc đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế bắt buộc.

a) Huấn luyện viên, vận động viên hưởng lương từ ngân sách nhà nước trong thời gian tập trung tập huấn và thi đấu, cơ quan quản lý huấn luyện viên, vận động viên có trách nhiệm trích nộp kinh phí đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp theo quy định.

b) Huấn luyện viên, vận động viên không hưởng lương từ ngân sách nhà nước trong thời gian tập trung tập huấn và thi đấu, cơ quan sử dụng huấn luyện viên, vận động viên có trách nhiệm chuyển cho cơ quan quản lý huấn luyện viên, vận động viên khoản kinh phí để nộp kinh phí đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp theo quy định (*bao gồm phần trách nhiệm đóng của người sử dụng lao động và phần trách nhiệm đóng của người lao động*).

2.2. Chế độ đối với huấn luyện viên, vận động viên không thuộc đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc, bảo hiểm y tế bắt buộc trong thời gian tập trung tập huấn và thi đấu nếu bị ốm hoặc tai nạn phải nghỉ luyện tập, nghỉ thi đấu hoặc chết thì được cơ quan sử dụng huấn luyện viên, vận động viên giải quyết như sau:

a) Trường hợp huấn luyện viên, vận động viên bị ốm hoặc thực hiện các biện pháp kế hoạch hóa gia đình thì được chi trả toàn bộ chi phí khám, chữa bệnh và được hưởng trợ cấp bằng 75% mức tiền công theo quy định tại Khoản 1 Điều 2 Quyết định này cho những ngày nghỉ ốm hoặc nghỉ do thực hiện các biện pháp kế hoạch hóa gia đình.

b) Trường hợp huấn luyện viên, vận động viên bị tai nạn trong tập luyện, thi đấu thì được chi trả toàn bộ chi phí y tế từ khi sơ cứu, cấp cứu đến khi điều trị ổn định thương tật và được hưởng trợ cấp bằng 100% mức tiền công quy định tại khoản 1 Điều 2 Quyết định này.

Sau khi thương tật của huấn luyện viên, vận động viên đã được điều trị ổn định, cơ quan sử dụng huấn luyện viên, vận động viên có trách nhiệm giới thiệu huấn luyện viên, vận động viên đi giám định khả năng lao động, trường hợp huấn luyện viên, vận động viên bị suy giảm khả năng lao động từ 5% trở lên do bị tai nạn thì được trợ cấp một lần. Mức trợ cấp một lần được quy định như sau:

- Suy giảm 5% khả năng lao động thì được hưởng 05 tháng tiền lương tối thiểu chung, sau đó cứ suy giảm thêm 1% thì được hưởng thêm 0,5 tháng tiền lương tối thiểu chung.

- Ngoài mức trợ cấp quy định như trên còn được hưởng thêm khoản trợ cấp tính theo thời gian làm huấn luyện viên, vận động viên tập trung (*nếu có thời gian ngắt quãng thì được cộng dồn*) từ một năm (đủ 12 tháng) trở xuống được tính bằng 0,5 tháng tiền công (*tiền công x 26 ngày*), sau đó cứ thêm mỗi năm (*đủ 12 tháng*) được tính thêm 0,3 tháng tiền công.

c) Trường hợp huấn luyện viên, vận động viên bị chết trong thời gian tập trung tập huấn và thi đấu thì người lo mai táng được nhận trợ cấp mai táng bằng mười tháng lương tối thiểu chung, nếu chết do tai nạn trong khi tập huấn và thi đấu hoặc trong khi điều trị lần đầu do tai nạn trong tập huấn, thi đấu thì ngoài trợ cấp mai táng, thân nhân được hưởng trợ cấp một lần bằng ba mươi sáu tháng lương tối thiểu.

### 2.3. Trợ cấp một lần.

Huấn luyện viên, vận động viên không thuộc đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội khi thôi làm huấn luyện viên, vận động viên (*kết thúc sự nghiệp làm huấn luyện viên, vận động viên đỉnh cao*) được trợ cấp một lần, cứ mỗi năm (12 tháng) làm huấn luyện viên, vận động viên tập trung (*nếu có thời gian ngắt quãng thì được tính cộng dồn*) được hưởng 1,5 tháng (26 ngày/tháng) tiền công trước khi thôi làm huấn luyện viên, vận động viên nhưng thấp nhất cũng bằng 2 tháng tiền công.

### 3. Chế độ tiền thưởng.

3.1. Huấn luyện viên, vận động viên lập thành tích tại Đại hội, giải thể thao quốc tế, Châu lục và khu vực được thưởng thêm bằng 50% mức thưởng quy định tại Điều 3, Quyết định số 32/2011/QĐ-TTg ngày 06 tháng 6 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ (*hoặc theo quy định mới khi có sửa đổi bổ sung của Thủ tướng Chính phủ*).

3.2. Mức thưởng bằng tiền cho huấn luyện viên, vận động viên khi phá kỷ lục, đạt huy chương vàng, huy chương bạc, huy chương đồng tại Đại hội thể dục thể thao toàn quốc, giải thi đấu trong hệ thống thi đấu thể thao thành tích cao, thể thao phong trào hàng năm của Tổng cục Thể dục Thể thao ban hành cụ thể như sau:

a) Đối với vận động viên:

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Thành tích Tên cuộc thi	Huy chương Vàng	Huy chương Bạc	Huy chương Đồng	Phá kỷ lục
1	Đại hội TDTT toàn quốc (04 năm một lần)	20	12	8	Được cộng thêm 10
2	Giải vô địch quốc gia từng môn của các môn thể thao	10	6	4	Được cộng thêm 5
3	Giải vô địch trẻ, giải Cúp quốc gia, giải hạng A toàn quốc, Giải U19 toàn quốc	5	3	2	Được cộng thêm 2,5
4	Giải vô địch các lứa tuổi trẻ toàn quốc				
4.1	Vận động viên dưới 12 tuổi	2	1	0,8	Được cộng thêm 1
4.2	Vận động viên từ 12 - dưới 16 tuổi	3	1,8	1,2	Được cộng thêm 1,5
4.3	Vận động viên từ 16 - dưới 18 tuổi	4	2,4	1,6	Được cộng thêm 2
5	Các giải khác (Câu lạc bộ, Giải Bơi, Lặn khu vực I, Việt dã báo tiên phong, giải mở rộng...	2	1,2	0,8	Được cộng thêm 1

- Đối với các môn thi đấu tập thể: Mức thưởng chung bằng số lượng người tham gia môn thể thao tập thể (theo quy định tại điều lệ giải) nhân với mức thưởng tương ứng.

- Đối với các môn thi đấu đồng đội (các môn thi đấu mà thành tích thi đấu của từng cá nhân và đồng đội được xác định trong cùng một lần thi) số lượng vận động viên được thưởng khi lập thành tích theo quy định của điều lệ giải. Mức thưởng chung bằng số lượng vận động viên nhân với 50% mức thưởng tương ứng.

- Đối với giải toàn đoàn: Mức thưởng cho các đoàn vận động viên tham gia thi đấu đạt thứ hạng nhất, nhì, ba toàn đoàn bằng 03 lần mức thưởng tương ứng một huy chương vàng, bạc, đồng cá nhân tại giải đó.

b) Thường đối với huấn luyện viên.

- Đối với môn thi đấu cá nhân:

+ Huấn luyện viên trực tiếp đào tạo vận động viên lập thành tích trong các giải thi đấu thì mức thưởng chung được tính bằng mức thưởng đối với vận động viên.

+ Vận động viên thuộc câu lạc bộ năng khiếu tuyển 2 cơ sở (đã được công nhận) khi được triệu tập tập huấn và thi đấu có thời hạn các giải toàn quốc, khu vực trong hệ thống giải thể thao thành tích cao hàng năm (*theo quyết định của Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch*) khi đạt huy chương thì hướng dẫn viên Câu lạc bộ năng khiếu tuyển 2 cơ sở có vận động viên đó được hưởng 40% tiền thưởng huy chương tương ứng mà vận động viên đó được hưởng.

- Đối với môn thi đấu tập thể: Những huấn luyện viên trực tiếp huấn luyện đội tuyển thi đấu lập thành tích thì được thưởng mức thưởng chung bằng số lượng huấn luyện viên theo quy định nhân với mức thưởng tương ứng đối với vận động viên đạt giải.

Số lượng HLV của các đội được xét thưởng quy định theo mức sau:

+ Đối với các đội thuộc những môn có quy định từ 2 đến 5 vận động viên tham gia thi đấu: Mức thưởng chung tính cho 01 huấn luyện viên.

+ Đối với các đội thuộc những môn có quy định từ 6 đến 12 vận động viên tham gia thi đấu: Mức thưởng chung tính cho 02 huấn luyện viên.

+ Đối với các đội thuộc những môn có quy định từ 13 vận động viên trở lên: Mức thưởng chung tính cho 03 huấn luyện viên.

- Đối với các môn thi đấu đồng đội: Mức thưởng chung cho huấn luyện viên bằng số huấn luyện viên quy định nhân với 50% mức thưởng tương ứng.

4. Huấn luyện viên, vận động viên lập thành tích tại các giải thể thao dành cho người khuyết tật toàn quốc được hưởng mức thưởng bằng 50% mức thưởng tương ứng.

### **Điều 3. Nguồn kinh phí thực hiện.**

- Kinh phí chi trả cho các chế độ quy định tại Quyết định này được bố trí trong dự toán ngân sách hàng năm của tỉnh theo quy định hiện hành. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch lập dự trù kinh phí hàng năm gửi Sở Tài chính thẩm định trình UBND tỉnh phê duyệt theo quy định.

- Tỉnh khuyến khích các liên đoàn, hội thể thao, các cơ quan quản lý, sử dụng huấn luyện viên, vận động viên, khai thác nguồn thu hợp pháp để bổ sung thêm tiền công, tiền thưởng, trợ cấp, khám, chữa bệnh, tai nạn lao động và các chế độ khác đối với huấn luyện viên, vận động viên.

**Điều 4. Tổ chức thực hiện.**

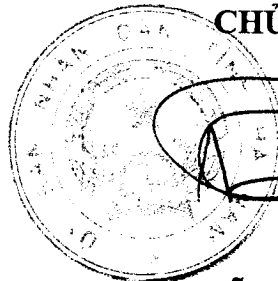
Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở: Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Tài chính, Kho bạc Nhà nước tỉnh, Thủ trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

**Nơi nhận:**

- Bộ VH-TT-DL (để b/cáo);
- Cục KTVBQPPL - Bộ Tư Pháp (để b/cáo);
- Thường trực Tỉnh ủy (để b/cáo);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Như điều 4;
- VPUB: LĐVP, TH, KGVX;
- Website Hà Nam;
- Lưu: VT, KT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH  
CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Xuân Đông**